

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-5-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Lại Đức Trung – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm: 1978;

Nơi cư trú: Số 631D, ấp P, xã P1, thành phố B, tỉnh B1. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thanh Kim H, sinh năm: 1977;

Nơi cư trú: Số 631D, ấp P, xã P1, thành phố B, tỉnh B1. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu K trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thanh Kim H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P, thành phố B, tỉnh B1 vào ngày 10/10/2014, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, ông và bà H đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành và đã ly

thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: ông và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày: 13/01/2016 và Nguyễn Hữu K, sinh ngày: 04/11/2017. Sau khi ly hôn ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông với bà H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông với bà H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên ông K không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, ông K có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai triệu tập hợp lệ bà H đến để tiến hành hòa giải nhưng bà H vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông K.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật; Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Hữu K khởi kiện bà Huỳnh Thanh Kim H yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thanh Kim H là bị đơn cư trú tại thành phố B, tỉnh B1 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Hữu K có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thanh Kim H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà H vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thanh Kim H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu K và bà Huỳnh Thanh Kim H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P1, thành phố B, tỉnh B1 vào ngày 10/10/2014, hôn nhân tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, ông K cho rằng mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập bà H để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà H vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông K thể hiện bà H không muốn hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa ông K và bà H là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hữu K đối với bà Huỳnh Thanh Kim H.

[3.2] Về con chung: ông Nguyễn Hữu K và bà Huỳnh Thanh Kim H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày: 13/01/2016 và Nguyễn Hữu K, sinh ngày: 04/11/2017, sau khi ly hôn ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà H không có trình bày ý kiến gì về việc yêu cầu nuôi dưỡng con chung của ông K, đồng thời hiện các con chung đang sống chung với ông K nên việc giao con chung cho ông K nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận ông Nguyễn Hữu K không yêu cầu bà Huỳnh Thanh Kim H cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu K và bà Huỳnh Thanh Kim H tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Hữu K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Hữu K phải nộp.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu K đối với bị đơn bà Huỳnh Thanh Kim H về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu K được ly hôn với bà Huỳnh Thanh Kim H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày: 13/01/2016 và Nguyễn Hữu K, sinh ngày: 04/11/2017 cho ông Nguyễn Hữu K trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ông Nguyễn Hữu K không yêu cầu bà Huỳnh Thanh Kim H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Huỳnh Thanh Kim H được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu K và bà Huỳnh Thanh Kim H tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Hữu K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Hữu K phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005174 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

6. Ông Nguyễn Hữu K và bà Huỳnh Thanh Kim H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P1, thành phố B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triều